TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÊ LINH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI** **-------***---------**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** ----------***----------
Số: 403/2022/QĐST-HN&GĐ	*Mê Linh, ngày 29 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 21 tháng 12 năm 2022, về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn thụ lý số 387/2022/TLST- HNGĐ ngày 08/12/2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1974;

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã C, huyện M, TP. H;

* Bị đơn: Bà Nguyễn Thanh N, sinh năm 1972;

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã C, huyện M, TP. H.

II. S**ự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

1. Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh N xác định có tài sản chung gồm đất, nhà cụ thể:

*** Về đất ở:** Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh Nxác định có Thửa đất số 164, tờ bản đồ số 18, diện tích 575,8 m^2 đất ở, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã C, huyện

M, thành phố H. Thửa đất trên ngày 08/7/2008 đã được UBND huyện M cấp Giấy CNQSDĐ số AB765226, số vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ là H02702, cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T. Thửa đất số 164, tờ bản đồ số 18, ngày 12/8/2008 đã chuyển nhượng 85 m^2, nay thửa đất số 164, tờ bản đồ số 18 chỉ còn lại là 490,8 m^2.

* **Về nhà ở:** Ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thanh N xác định vợ chồng có 01 ngôi nhà 02 tầng xây dựng năm 2017, diện tích khoảng 80 m^2/sàn, và 01 nhà cấp 4, diện tích khoảng 44,0 m^2 và công trình phụ 47,0 m^2 xây năm 2002.

2. Ghi nhận sự thỏa thuận của ông T và bà N về việc chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn cụ thể như sau:

2.1. Giao cho ông Nguyễn Văn T được quyền quản lý và sử dụng diện tích 294,5 m^2 đất ở, tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã C, huyện M, thành phố H. Theo Giấy CNQSDĐ số AB765226, số vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ là H02702, ngày 08/7/2008 đã được UBND huyện M cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T.

Trên đất có 01 ngôi nhà 02 tầng xây dựng năm 2017, diện tích khoảng 80 m^2/sàn. Tổng trị giá tài sản ông T được hưởng có trị giá 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng). Đất có các chiều tiếp giáp như sau:

Phía Đông Nam giáp đường trục chính thôn T dài là 15,69 m.

Phía Đông Bắc giáp đất bà L có chiều dài là 17,00 m.

Phía Tây Bắc giáp đất bà N có chiều dài là 15,94 m.

Phía Tây Nam giáp đường ngõ xóm có chiều dài là 18,49 m (Đất được giới hạn bởi các điểm EFGHIE, có sơ đồ đất kèm theo).

2.2. Giao cho bà Nguyễn Thanh N được quyền quản lý và sử dụng diện tích 196,3 m^2 đất ở tại thửa đất số 164, tờ bản đồ số 18, địa chỉ thửa đất tại thôn T, xã C, huyện M, thành phố H. Theo Giấy CNQSDĐ số AB765226, số vào sổ cấp Giấy CNQSDĐ là H02702, ngày 08/7/2008 đã được UBND huyện M cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T.

Trên đất có 01 nhà cấp 4, diện tích khoảng 44,0 m^2 và công trình phụ 47,0 m^2 xây dựng và sửa năm 2002. Tổng trị giá tài sản bà N được hưởng có trị giá 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng). Đất có các chiều tiếp giáp như sau:

Phía Đông Nam giáp đất ông T và bà L có chiều dài là 20,94 m.

Phía Đông Bắc giáp đất ông T có chiều dài là 10,52 m.

Phía Tây Bắc giáp đất ông K có chiều dài là 20,90 m.

Phía Tây Nam giáp đường ngõ xóm có chiều dài là 9,10 m (Đất được giới hạn bởi các điểm ABCDEIHA, có sơ đồ đất kèm theo).

Toàn bộ tài sản, cây cối lâm lộc trên phần đất của ai người đó được hưởng.

Ông T không phải thanh toán tiền chênh lệch về tài sản cho bà N.

3. Về đất canh tác: Hai bên xác định không yêu cầu giải quyết.

4. Về chi phí tố tụng: Các chi phí tố tụng nguyên đơn đã nộp, nguyên đơn xin tự nguyện chịu.

5. Về án phí:

- Ông Nguyễn Văn T phải nộp 7.500.000đ (bảy triệu năm trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã thu tại phiếu thu số 0020831 ngày 08/12/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh.

Hoàn trả lại ông Nguyễn Văn T 4.500.000đ (bốn triệu năm trăm nghìn đồng) biên lai trên.

- Bà Nguyễn Thanh N phải nộp 5.000.000đ (năm triệu đồng).

III. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

IV. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mê Linh;
- Chi cục THA huyện Mê Linh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Nga